|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-SNN | *Đắk Nông, ngày tháng 10 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Thực trạng sản xuất, tiêu thụ nông sản**

**trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

*(Tài liệu phục vụ Hội nghị trực tuyến ngày 09/10/2021)*

Trong những tháng đầu năm 2021 tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra trong nước và trên thế giới ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu thụ nông sản của người dân, doanh nghiệp, Hợp tác xã trong nước nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng, gây đứt đoạn nguồn cung, lưu thông hàng hóa gặp rất nhiều khó khăn. Để chủ động kịp thời tháo gỡ những khó khăn, bám sát các chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh nhằm đảm bảo các mục tiêu được giao, trước tình hình sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông sản trong tình hình dịch bệnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 583/KH-UBND ngày 23/8/2021 về việc hỗ trợ tiêu thụ nông sản trong tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đồng thời Sở đã thành lập Tổ công tác hỗ trợ, kết nối tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong tình hình dịch bệnh Covid-19 tại Quyết định số 452/QĐ-SNN ngày 16/8/2021.

Tại tỉnh Đắk Nông vào thời điểm hiện nay một số nông sản như Rau, củ, các loại (được trồng và thu hoạch đều các tháng trong năm); Bơ và Sầu riêng vẫn đang thu hoạch, dịch bệnh dẫn đến việc thu mua, tiêu thụ nông sản của bà con nông dân trong tỉnh gặp khó khăn, giá cả thấp. Qua quá trình tổ chức thực hiện và báo cáo của các địa phương, nhận định diễn biến tình hình Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản trên địa bàn một số nội dung cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 9 ĐẦU NĂM 2021**

**1. Trồng trọt:** Nhìn chung, tình hình trồng trọt 09 tháng năm trên địa bàn tỉnh diễn ra trong điều kiện thời tiết khá thuận lợi; hiện tại trên địa bàn tỉnh đang duy trì hoạt động 08 mã đóng gói và 24 mà vùng trồng; bước đầu hình thành được 04 vùng sản xuất tập chung được công nhận với tổng diện tích là 2.423,17 ha *(trong đó: vùng lúa Buôn Choah 538,77 ha; Vùng Hồ tiêu Thuận Hạnh 1.133 ha; Vùng hồ tiêu Thuận Hà 416,4 ha; Vùng Cà phê Thuận An 335 ha)*; diện tích sản xuất được chứng nhận theo các tiêu chuẩn GAP, Hữu cơ, UTZ... đạt 25.333 ha *(trong đó nhóm cây công nghiệp 23.889 ha, nhóm cây ăn quả 780, nhóm cây luong thực thực phẩm 6663 ha)*. Để kịp thời ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Sở Nông nghiệp và PTTN đã chủ động hướng dẫn các địa phương triển khai sản xuất; theo dõi, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại cây trồng và hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại trên các loại cây trồng, sử dụng thuốc bảo vệ thưc vật đúng cách, hiệu quả, hướng dẫn thu gom rác thải nông nghiệp bảo vệ môi trường, kết quả xản xuất cụ thể như sau:

- Đối với cây hằng năm i) Vụ Đông Xuân 2020-2021: Tổng diện tích gieo trồng 10.305,6 ha/10.192,4 ha KH, đạt 101,2% so với KH. Tổng sản lượng đạt khoảng 96.124 tấn, trong đó cây lương thực có hạt đạt 42.908 tấn, rau củ quả các loại đạt 40.770 tấn thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 1.922 tấn; ii) Vụ Hè Thu 2021: Gieo trồng đạt 55.864 ha/59.804 ha KH (đạt 93,41% so với KH), do diện tích gieo trồng một số cây trồng ngắn ngày không đạt kế hoạch[[1]](#footnote-1). Thu hoạch Hè thu đến nay đạt 22.960 ha TH/55.864 ha GT *(đạt 41,1% so với KH),* nhanh hơn cùng kỳ năm trước1.790 ha *(năm trước đạt 21.170 ha)[[2]](#footnote-2)*; iii) Vụ Thu Đông 2021: Gieo trồng đến nay đạt 8.593 ha/24.625 ha KH, đạt 34,9% so với KH, nhanh hơn cùng kỳ năm trước 5.423 ha(*năm trước đạt 3.170 ha*).

- Đối với cây lâu năm, 9 tháng đầu năm tình hình sinh trưởng và phát triển ổn định; đến nay trồng mới đạt 3.146,5 ha nhanh hơn cùng kỳ năm trước 85,4 ha *(Cây Cà phê 1.080,2 ha; Cây Hồ tiêu 643,6 ha; Cây cao su 07 ha; Cây Điều 202 ha; Cây Mắc ca 130,2 ha; Cây ăn quả 1.083,5 ha*), trong đó chủ yếu trồng xen canh, tái canh và chuyển đổi từ cây trồng khác*.* Ước thực hiện cả năm 2021:Hồ tiêu diện tích đạt 34.910 ha tăng 589 ha, sản lượng đạt 64.605 tấn, tăng 16.001 tấn so với năm 2020; Cà phê diện tích đạt 131.543 ha tăng 1080 ha, sản lượng đạt 332.040 tấn, tăng 15.618 tấn so với năm 2020; Cao su diện tích đạt 24.591 ha, tăng 793 ha, sản lượng đạt 32.029 tấn, tăng 2.698 tấn so với năm 2020; Điều diện tích đạt 16.208 ha, tăng 202 ha, sản lượng đạt 21.067 tấn, tăng 2.673 tấn so với năm 2020…

- Liên kết trong sản xuất trồng trọt: Thông qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư, cùng với sự tác động của thị trường nông sản, các liên kết và liên kết theo chuỗi giá trị nông sản được hình thành và phát triển cả về số lượng và quy mô. Đến nay, trên địa bàn có 167 liên kết và liên kết theo chuỗi giá trị nông sản, với sự tham gia 27 doanh nghiệp và 140 HTX, tập trung thành 04 loại: (1) Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (liên kết theo chuỗi giá trị); (2) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (3) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (4) Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cụ thể như sau: i) Cà phê sản xuất theo chuỗi liên kết 13.124 ha, chiếm 10%, sản lượng đạt 38.283 tấn, chiếm 12%; ii) Hồ tiêu có 09 liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.630 ha chiếm 4,6% tổng diện tích; iii) Rau, củ và đậu các loại có 04 Hợp tác xã và 01 Doanh nghiệp liên kết trong sản xuất sơ chế, chế biến và tiêu thụ rau, củ quy mô khoảng 230 ha với 200 hộ dân tham gia; iv) Cây ăn quả và Chanh dây có 03 doanh nghiệp liên kết với 67 hộ dân với quy mô khoảng 255 ha và 07 HTX, THT liên kết với 87 hộ dân với quy mô khoảng 214 ha, sản lượng khoảng 4.308,5 tấn, chiếm khoảng 8% tổng sản lượng cây ăn quả toàn tỉnh.

- Dịch hại trên cây trồng: Tình hình sâu bệnh trên cây trồng diễn biến bình thường, tuy nhiên do ảnh hưởng từ mùa mưa năm 2020, kết hợp với thời tiết khô hạn của mùa khô vừa qua nên trên địa bàn tỉnh có khoảng 33 ha hồ tiêu[[3]](#footnote-3) (chủ yếu ở huyện Đắk Song) bị bệnh chết chậm; các dịch bệnh khác xảy ra rải rác, gây hại không đáng kể; hiện nay bà con nông dân đã chăm sóc, phục hồi và trồng lại cây trồng khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn khoảng hơn 10 ha.

**2. Chăn nuôi**

Thời gian qua ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh phát triển rất mạnh, đặc biệt là chăn nuôi lợn, đã có nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư vào chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; phương thức chăn nuôi đã chuyển dần hình từ hình thức thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung, mặt khác tỉnh Đắk Nông có lợi thế về diện tích đất nông nghiệp lớn, mật độ chăn nuôi còn thấp, giá đất nông nghiệp thấp so các vùng lân cận, đã thu hút nhiều nhà đầu tư vào phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

- Hiện nay, tổng đàn lợn 358.523 con/272.718 con KH, đạt131,46 % KH, tăng 108.523 con so với cùng kỳ năm 2020; Đàn dê 53.058/42.528 con KH, đạt 124,76 % KH, tăng 20.354 con so với cùng kỳ năm 2020[[4]](#footnote-4);Đàn gia cầm 2.529.411con/3.285.235 KH, đạt 76,99% KH, giảm 41.000 con so với cùng kỳ năm 2020[[5]](#footnote-5); Đàn đàn trâu 4.483 con/5.210 con KH, đạt 86,05 % KH, giảm 1.117 con so với cùng kỳ năm 2020; Đàn bò 30.490 con/32.860 con KH, đạt 92,79% KH, giảm 660 con so với cùng kỳ năm 2020[[6]](#footnote-6)*.*

- Liên kết trong chăn nuôi: Hiện trên địa bàn chăn nuôi heo quy mô trang trại có 276 cơ sở quy mô 254.178 con, đạt 70,9% tổng đàn *(trong đó trang trại quy mô nhỏ 173, tổng đàn 24.220 con chiếm khoảng 7%; quy mô vừa 65, tổng đàn 77.178 con chiếm 22 %; quy mô lớn 38, tổng đàn 152.780 con chiếm 42 %)* và chăn nuôi gia cầm có 33 cơ sở quy mô 663.500 con, đạt 26% tổng đàn đã hình thành chuỗi liên kết với các doanh nghiệp như: Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, Công ty CJ Vina Agri…. với hình thức liên kết này giúp người chăn nuôi chủ động được thị trường, tránh tình trạng mất cân đối cung - cầu, giúp người chăn nuôi ổn định sản xuất, tạo đầu ra sản phẩm ổn định, hiệu quả kinh tế cao.

- Tình hình dịch bệnh: i) Tình hình Dịch tả lợn Châu Phi: Lũy kế đến nay dịch bệnh xảy ra tại 58 hộ/41 thôn/22 xã/08 huyện, thành phố Gia Nghĩa; số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 1.763 con, khối lương tiêu hủy: 106.858,5kg. Hiện nay có 11 xã thuộc 07 huyện, thành phố dịch bệnh chưa qua 21 ngày; ii) Dịch bệnh Viêm da nổi cục trên bò: Đến nay đã xảy ra tại 214 hộ/84 thôn, bon/29 xã, thị trấn/07 huyện *(Krông Nô, Đắk Rlấp, Đắk Glong, Đắk Mil, Cư Jút, Tuy Đức và Đắk Song*). Tổng số bò mắc bệnh là: 406 con; trong đó số bò chết và tiêu hủy là 34 con, khối lượng tiêu hủy: 5.494kg.

- Công tác phòng chống dịch bệnh: Chủ động triển khai các giải pháp phòng chống dịch để ngăn chặn, xử lý kịp thời dịch bệnh[[7]](#footnote-7) tại các địa phương theo Kế hoạch số 675/KH-UBND ngày 20/11/2020, Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 43/KH-SNN ngày 05/8/2021, Công văn số 136/SNN-PTNN ngày 19/01/2021, Công văn số 243/SNN-PTNN ngày 03/02/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

**3. Về thuỷ sản:**Trong 9 tháng đầu năm, tổng diện tích nuôi trồng đạt 1.800 ha/2.442 ha *(đạt 73,71%),* không tăng/giảm so với cùng kỳ; tổng sản lượng thủy sản 6.020 tấn/7.631 tấn KH *(đạt 79,07%), tăng 484 tấn so với cùng kỳ,* trong đó từ nuôi trồng thủy sản: 5.370 tấn và khai thác thủy sản đạt 650 tấn.

**4. Quản lý chất lượng:**Toàn tỉnh có 25.333 ha/169 cơ sở áp dụng sản xuất chứng nhận, trong đó: nhóm cây dài ngày 23.889 ha[[8]](#footnote-8); nhóm cây ăn quả 780 ha[[9]](#footnote-9) và nhóm cây lương thực, thực phẩm 663 ha[[10]](#footnote-10). Qua đánh giá cho thấy hiệu quả sản xuất cao hơn, giảm được nhiều chi phi sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và tăng thu nhập cho người nông dân. Bên cạnh đó, ngành đang tập trung triển khai Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường tổ chức kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm[[11]](#footnote-11) và triển khai Phương án đảm bảo sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ nông sản trong tình hình dịch bệnh Covid-19 (Phương án số 1213/PA-SNN ngày 15/6/2021).

**5. Kinh tế tập thể, trang trại**

**-**Về Kinh tế tập thể, qua theo dõi toàn tỉnh có 165 HTX nông nghiệp (3.650 thành viên)[[12]](#footnote-12), 03 liên hiệp Hợp tác xã (14 thành viên); 152 tổ hợp tác (2.280 tổ viên) và 286 trang trại (trồng trọt có 70 trang trại chiếm 24%; chăn nuôi có 137 trang trại chiếm 48%; tổng hợp có 79 trang trại chiếm 28%). Kinh tế tập thể đang có sự chuyển biến tích cực, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ, tăng thu nhập cho nông dân, đồng thời phát huy được vai trò liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

*- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)[[13]](#footnote-13):* Đến nay, toàn tỉnh có 41 sản phẩm của 34 doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ cơ sở sản xuất được chứng nhận sản phẩm OCOP đến từ 7/8 huyện, thành phố; trong đó có 04 sản phẩm được chứng nhận 4 sao, 37 sản phẩm được chứng nhận 3 sao; Sản phẩm là trái cây tươi: 05; sản phẩm chế biến từ Cà phê, Ca cao: 19; Hồ tiêu: 02 sản phẩm; Điều: 02 sản phẩm; Gạo và chế biến từ gạo: 03 sản phẩm; Sản phẩm chế biến từ Sachi: 05; Sản phẩm chế biến từ Đông trùng hạ thảo: 02; Sản phẩm chế biến từ quả Mãng cầu: 01; Sản phẩm chế biến từ thịt Bò: 01; Mật ong: 01 sản phẩm.

**II. TÌNH HÌNH SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN**

**1. Sơ chế, chế biến nông sản**

*- Chế biến cà phê nhân xô và bột:* Bao gồmchế biến cà phê nhân xô để xuất khẩu *(theo phương pháp chế biến ướt và chế biến khô)* và chế biến cà phê bột phục vụ thị trường nội tỉnh. Trong đó,chế biến theo phương pháp khôchiếm 70 - 80 %, nông dân tự phơi/sấy và trang bị máy xay xát. Ở quy mô công nghiệp, toàn tỉnh có 25 cơ sở chế biến cà phê theo phương pháp xát khô gồm nhiều thành phần kinh tế tham gia. Trong đó có 3 doanh nghiệp nhà nước là các công ty cà phê Đức Lập, Thuận An và công ty cà phê Đắk Nông. Việc chế biến ướt hiện tại chỉ có 04 cơ sở, công suất thấp khoảng 500 – 600 tấn/năm; *Chế biến cà phê bột:* hiện có khoảng 50 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ với sản lượng khoảng 70 tấn sản phẩm/năm.

*- Chế biến Hồ tiêu:* Hiện nay, các sản phẩm chế biến từ hồ tiêu chủ yếu được thực hiện tại nông hộ. Các cơ sở, doanh nghiệp chế biến chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, chưa tạo được kết nối ổn định và bền vững cho người nông dân, hiện tượng mất kiểm soát về giá “được mùa, mất giá” vẫn xảy ra. Nhà máy chế biến tiêu xuất khẩu Hồ tiêu tập trung tại huyện Đắk Song (Công ty CP TN&DV XNK Trân Châu, Công ty CP Sam Nông nghiệp công nghệ cao…), công xuất mỗi nhà máy trên 10.000 tấn sản phẩm/năm

*- Về chế biến Trái cây:*Trái cây là sản phẩm có thời gian bảo quản ngắn và thường thu hoạch tập trung theo mùa vụ. Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có nhà máy chế biến và chế biến sâu các sản phẩm từ trái cây; mới chỉ tạm dừng ở sơ chế, tuy nhiên các cơ sở này hoạt động theo mùa vụ, quy mô nhỏ.

*- Về chế biến thực phẩm:* Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 18 cơ sở sơ chế giết mổ tập trung với công suất thực tế giết mổ trung bình từ 30 - 60 con gia súc/ngày; Hiện nay chưa có cơ sở chế biến và chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi; Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu xuất thô (dạng thịt hơi xuất chuồng).

**2. Tình hình tiêu thụ nông sản**

Bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, nhằm đảm bảo các mục tiêu được giao, trước tình hình tiêu thụ các sản phẩm nông sản đang vào mùa vụ cao điểm thu hoạch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp các cấp, các ngành và sự kết nối, hỗ trợ của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, thương lái, nhà vườn… kết nối, thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong điều kiện dịch Covid-19. Theo báo cáo của các địa phương, nhận định diễn biến tình hình, tiêu thụ một số sản phẩm chính như sau:

***2.1. Đối với các sản phẩm cây trồng chủ lực***

- Cà phê, Hồ tiêu, Điều, Cao su tổng sản lượng năm 2021 đạt khoảng 450.000 tấn trong đó: Cà phê 332.000 tấn; hồ tiêu 65.000 tấn; cao su 32.000 tân, điều 21.000 tấn, thị trường tiêu thụ chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường các nước như: Trung Quốc, Hàn Quốc, một số nước Châu Âu, Mỹ, Nhật bản, Singapore, Ấn độ, chiếm tỷ lệ trên 70-80% sản lượng và tiêu thụ thị trường trong nước khoảng 20-30%.

- Dự báo: Trong thời gian tới, tình hình thị trường thế giới vẫn còn ảnh hưởng của dịch Covid-19, tác động lên logistics, xay xát, vận chuyển giá cao.

- Một số khó khăn, hạn chế trong sản xuất, chế biến: (i) Sản xuất thiếu tính bền vững, nhiều rủi ro do biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, lũ lụt; Quy mô sản xuất nhỏ, cơ giới hóa khó khăn; (ii) Mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân chưa bền vững, hợp đồng liên kết hạn chế; (iii) Cơ sở hạ tầng, công nghệ bảo quản, chế biến thiếu; chế biến sâu và chế biến sản phẩm phụ để nâng cao giá trị gia tăng còn hạn chế.

***2.2. Đối với các sản phẩm rau, quả***

- Thời gian qua với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và sự kết nối, hỗ trợ của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, thương lái, nhà vườn, tình hình tiêu thụ nông sản 9 tháng đầu năm sản lượng đạt trên 109.000 tấn rau, quả các loại, thị trường tiêu thụ trong nước khoảng 70%, phần còn lại được các cở sở chế biến, hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết với một số doanh nghiệp lớn trong nước để xuất khẩu.

- Dự báo tình hình tiêu thụ một số loại rau, quả những tháng còn lại năm 2021 khoảng 30.000 tấn sẽ vẫn chịu áp lực do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cả ở trong nước và các nước lân cận.

- Một số khó khăn: (i) Sản phẩm rau, quả mang tính chất mùa vụ và tiêu thụ chủ yếu dưới dạng tươi. Do đó, trong một khoảng thời gian, lượng sản phẩm cần tiêu thụ rất lớn gây áp lực lên thị trường, dẫn đến đôi lúc tại một số địa phương có hiện tượng ùn ứ cục bộ; (ii) Dịch Covid-19 với nhiều đợt bùng phát, diễn biến phức tạp trong và ngoài nước đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt như: giá giảm, vận chuyển tiêu thụ nội địa bị hạn chế dẫn đến hàng bị ùn lại.

***2.3. Các sản phẩm chăn nuôi***

Chăn nuôi có sự chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung, đặc biệt là chăn nuôi lợn. Đã hình thành được một số chuỗi trong chăn nuôi lợn, gia cầm và mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi. *Ước thực hiện cả năm 2021:* Đàn lợn 3600.000 con, đạt132% KH; Đàn dê 54.000, đạt 126,98% KH;Đàn gia cầm 2.600.000con, đạt 79.14% KH; Đàn đàn trâu 5.000 con, đạt 95,97 % KH; Đàn bò 30.490 con, đạt 94,34% KH. Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm, tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định; đặc biệt đàn lợn, dê phát triển mạnh, tuy nhiên đối với tổng đàn trâu, bò có khả năng không đạt kế hoạch năm do hiệu quả chăn nuôi thấp nên người dân có xu hướng giảm đàn nuôi, hạn chế nuôi hoặc chuyển sang đối tượng chăn nuôi khác, bên cạnh đó sản xuất chăn nuôi đang gặp một số khó khăn như:

- Giá thức ăn chăn nuôi (TACN) tăng liên tục trong thời gian qua (giá Quý I/2021 so với cùng kỳ 2020 tăng 11,3% đối với thức ăn hỗn hợp (TAHH) cho lợn thịt, tăng 11,2% đối với TAHH cho gà thịt lông màu, tăng 7,5% đối với TAHH gà thịt lông trắng) và chưa có chiều hướng giảm ngay trong Quý III/2021 do giá các nguyên liệu chính của TACN trên thế giới hiện vẫn trong tình trạng sản lượng không tăng kịp so với nhu cầu.

- Sức tiêu thụ giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (cách ly, đóng cửa các chợ cóc, trường học, bếp ăn tập thể ...) khiến cho lượng tiêu thụ các mặt hàng thịt giảm.

- Một số địa phương phải cách ly nên việc vận chuyển thực phẩm ra vào vùng dịch cần đảm bảo thông suốt.

- Giá liên tục giảm thời gian qua cũng gây sức ép nhất định lên giá các mặt hàng nông sản nói chung và sản phẩm chăn nuôi nói riêng.

**III. ĐÁNH GIÁ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG**

**1. Tác động của Covid-19 đến tình hình tiêu thụ nông sản**

***a) Bối cảnh chung***

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hầu hết các cơ sở trên địa bàn tỉnh đều gặp khó khăn trong tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm do hàng hóa tiêu thụ chậm, một số doanh nghiệp đã tạm ngưng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng công suất khoảng 20-40%, so với thời gian chưa có dịch bệnh xảy ra.

- Đối với sản phẩm rau, quả chịu ảnh hưởng lớn nhất do giá các loại rau củ quả, Sầu riêng, Bơ và các loại trái cây khác trên địa bàn tỉnh giảm so với cùng kỳ năm trước từ 20-25%, cụ thể: i) Giá rau các loại dao động từ 4.000 - 18.000 đồng/kg, giảm từ 1.000-3.500 đồng /kg; ii) Giá Bơ giao động từ 2.000 - 15.000 đồng/kg, giảm từ 1.000 – 4.000 đồng/kg; iii) Giá Sầu riêng giao động từ 8.000 - 40.000 đồng/kg, giảm từ 2.000-10.000 đồng/kg. Riêng giá một số sản phẩm nông sản cây trồng chủ lực như Cà phê và Hồ tiêu năm nay giá có xu hướng tăng trên thị trường thế giới và thị trường trong nước; Đến nay giá Cà phê nhân xô đạt trên 40.000 đồng/kg và giá Hồ tiêu đạt 78.000 đồng/kg. Theo nhận định của các chuyên gia, giá Cà phê và giá Hồ tiêu sẽ còn nhiều biến động theo hướng có lợi cho người sản xuất trong thời gian tới.

- Đối với chăn nuôi hiện giá thức ăn trong chăn nuôi tăng, giá bán sản phẩm không tăng, dẫn đến nông dân gặp khó khăn trong tiêu thụ cũng gây khó khăn cho người chăn nuôi trong việc tái đàn.

***b) Hoạt động tiêu thụ***

*- Về thị trường tiêu thụ:* Đối với các sản phẩm cây trồng chủ lực như: Cà phê, Hồ tiêu, Điều, Cao su thị trường tiêu thụ chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu sang các thị trường các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, một số nước Châu Âu, Mỹ, Nhật bản, Singapore, Ấn độ, chiếm tỷ lệ trên 70-80% sản lượng và tiêu thụ thị trường trong nước khoảng 20-30%. Đối với các sản phẩm cây ngắn ngày hàng năm và trái cây, thị trường tiêu thụ chủ yếu trong nước chiếm tỷ lệ khoảng 70-90% và xuất khẩu khoảng 10-30%; Thị trường tiêu thụ lớn nhất là các tỉnh Miền Đông Nam bộ, chủ yếu tiêu thụ các sản phẩm Rau củ quả các loại và trái cây.

*- Về kênh tiêu thụ:* Đối với các sản phẩm cây trồng chủ lực như: Cà phê, Hồ tiêu, Điều, Cao su…kênh tiêu thụ chính là các doanh nghiệp, Công ty chế biến, xuất khẩu thu mua thông qua hệ thống các đại lý được được các đơn vị này đặt hàng trước. Đối với các sản phẩm nông sản thời vụ ngắn ngày và trái cây tiêu thụ chủ yếu thông qua kênh hệ thống các thương lái, chiếm tỷ lệ 60%; Các đại lý/chủ vựa thu mua trực tiếp người dân, chiếm tỷ lệ 40%. Các thương lái tiêu thụ tại các đại lý/ chủ vựa, chiếm tỷ lệ 70%, còn 30% tự tiêu thụ qua các mối, đơn hàng trong nước.

Các Đại lý/chủ vựa là điểm thu gom cuối cùng, tiêu thụ thông qua các đơn hàng tiêu thụ trong nước hoặc các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu.

**Sơ đồ kênh tiêu thụ rau củ quả và trái cây**

**60% qua thương lái**

**Đơn hàng**

**trong nước**

**Người dân sx**

**40% qua Đại lý/chủ vựa**

**Doanh nghiệp chế biến, XK**

**2. Một số khó khăn, nút thắt cần giải quyết**

Năm 2021, những tác động của dịch bệnh Covid-19 có nhiều điểm khác so với năm 2020 do các tỉnh đồng loạt áp dụng các biện pháp phong tỏa làm ảnh hưởng đến nguồn cung và nhu cầu tiêu thụ trên thị trường, bên canh đó sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì tốt nhưng thị trường tiêu thụ còn rất nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường có suy giảm và thói quen tiêu dùng có những chuyển hướng nhất định. Một số khó khăn, nút thắt cần tiếp tục được giải quyết:

- Nút thắt về vốn tín dụng: Các gói tín dụng hiện nay tuy có lãi suất thấp nhưng cần đảm bảo tiếp cận được dễ dàng, nhất là đối tượng là các hộ gia đình sản xuất kinh doanh nhỏ, HTX nông nghiệp để có khả năng phục hồi sản xuất nhanh khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát và suy giảm.

- Hệ thống kho lạnh phục vụ bảo quản nông sản còn hạn chế: Cả tỉnh hiện có 26 kho lạnh bảo quản nông sản, công suất hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu bảo quản nông sản phục vụ nhu cầu bảo quản tươi

- Tình hình giao thương hàng hóa nông sản của các địa phương vẫn chậm do phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định phòng chống dịch.

- Cơ chế vận hành kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ cần thông suốt, liên tục: Tình trạng dư cung hoặc giá giảm sâu đối với một số nông sản trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua là bài học kinh nghiệm để hoàn thiện cơ chế vận hành kết nối địa phương với địa phương nhằm tạo ra chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ ổn định và chủ động.

**IV. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP**

Trước những thách thức kép hiện nay của ngành nông nghiệp, đó là: (i) đối phó với tác động của dịch Covid-19; (ii) thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi diễn biến phức tạp khó lường, nhằm bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch UBND tỉnh giao, Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương, hiệp hội doanh nghiệp tỉnh triển khai đồng bộ một số giải pháp như sau:

**1. Tổ chức sản xuất nông nghiệp, chú trọng chế biến, bảo quản để linh hoạt thích ứng với bối cảnh dịch bệnh**

- Rà soát và tổ chức sản xuất nông nghiệp, quy mô, sản lượng đối với các đối tượng cây trồng, vật nuôi, nhất là các sản phẩm nông sản có tính chất mùa vụ trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trước mắt vụ Thu Đông đối với cây rau, màu và thu hoạch các loại cây công nghiệp như cà phế, hồ tiêu được bảo đảm đúng mùa vụ.

- Các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản tăng cường công suất cấp đông trái cây, nước quả chanh dây cô đặc, … để chuẩn bị tốt nhất phương án hậu dịch Covid-19.

**2. Hỗ trợ chính sách thuế, tín dụng cho ngành sản xuất, chế biến bảo quản nông sản**

Ngành sản xuất, chế biến bảo quản nông sản cần đặc biệt quan tâm trong thời điểm trước mắt và trung hạn, đòi hỏi chi phí rất lớn, tính rủi ro cao trong hoàn cảnh cụ thể, kéo dài gấp 2-3 lần khoảng thời gian cần thiết cùng với việc nguy cơ phá vỡ các hợp đồng kể cả các hợp đồng đã ký kết thực hiện, do vậy Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị:

Đối với các Ngân hàng: (i) Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả các gói tín dụng đặc thù đối phó Covid-19 trong đó có thiết kế chính sách hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, thực hiện cơ cấu lại nợ (khoanh nợ, dãn nợ, miễn giảm lãi vay), tiếp tục cho vay mới với lãi suất ưu đãi cho người dân, doanh nghiệp để phục hồi sản xuất thuộc diện chịu ảnh hưởng của dịch; (ii) Triển khai chính sách ưu đãi lãi vay đối với cơ sở chế biến bảo quản nông sản trong suốt thời gian chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

**3. Thúc đẩy tiêu thụ nông sản**

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT chuẩn bị đa dạng các biện pháp phân phối hàng hóa, kích cầu tiêu dùng để chuẩn bị cho các vụ thu hoạch rau, củ, quả; vận động hỗ trợ phân phối sản phẩm trên thị trường online trực tuyến, các sàn thương mại điện tử …

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa: (i) Tiếp tục thực hiện quyết liệt các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc phòng chống dịch bệnh; (ii) Thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, lưu thông nông sản tại địa phương để chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường tiêu thụ; (iii) Vận dụng các chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản lạnh, hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp và sử dụng hiệu quả các cơ sở bảo quản lạnh trên địa bàn để sử dụng khi nông sản tiêu thụ khó khăn; (iv) Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành nhằm đảm bảo thông suốt trong lưu thông vật tư nông nghiệp và nông sản trong thời gian cách ly, ứng phó dịch bệnh.

- Các Doanh nghiệp, HTX: (i) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Công Thương tập trung thúc đẩy tiêu thụ nội địa; (ii) Phát triển và nhân rộng các hình thức liên kết sản xuất tiêu thụ giúp ổn định giá cả và đầu ra cho bà con nông dân; (iii) Ứng dụng và đẩy mạnh phát triển các hình thức tiêu thụ nông sản thông qua các loại hình phân phối bản lẻ online…

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo UBND tỉnh và hội nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh (b/c):  - GĐ, các PGĐ;  - Lưu: VT, PTNN. | **GIÁM ĐỐC**  **Phạm Tuấn Anh** |

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày tháng 10 năm 2021*

*của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | | **ĐVT** | **TH 2020** | **ƯTH 9 tháng**  **năm 2021** | **ƯTH**  **năm 2021** |
| **I. Một số cây trồng chủ lực** | |  |  |  |  |
| **Diện tích cây lương thực** | | **Ha** | **60.685** | **43.915** | **53.533** |
|  | + Lúa | Ha | 12.729 | 12.681 | 12.681 |
|  | + Ngô | Ha | 47.956 | 31.234 | 40.852 |
| **Sản lượng lương thực** | | **Tấn** | **386.008** | **282.605** | **349.914** |
|  | + Sản lượng thóc | Tấn | 77.046 | 81.365 | 81.365 |
|  | + Sản lượng ngô | Tấn | 308.962 | 201.240 | 268.549 |
| **Khoai lang** | + Diện tích | Ha | 7.000 | 6.556 | 6.788 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 93.373 | 87.196 | 94.595 |
| **Lạc** | + Diện tích | Ha | 4.080 | 2.028 | 3.976 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 1.377 | 4.436 | 11.089 |
| **Đậu nành** | + Diện tích | Ha | 2.602 | 2.168 | 3.092 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 5.120 | 3.880 | 6.085 |
| **Rau các loại** | + Diện tích | Ha | 6.237 | 6.371 | 7.679 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 89.744 | 86.836 | 93.849 |
| **Cà phê** | + Diện tích | Ha | 130.463 | 131.543 | 131.543 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 316.422 | *(Chưa thu hoạch)* | 332.040 |
| **Cao su** | + Diện tích | Ha | 23.798 | 24.591 | 24.591 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 29.331 | 24.120 | 32.029 |
| **Điều** | + Diện tích | Ha | 16.006 | 16.208 | 16.208 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 18.394 | 21.067 | 21.067 |
| **Hồ tiêu** | + Diện tích | Ha | 34.321 | 34.910 | 34.910 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 48.604 | 64.605 | 64.605 |
| **Cây ăn quả** | | Ha | 12.505 |  |  |
| **Bơ** | + Diện tích | Ha | 2.427 | 2.746 | 3.051 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 9.402 | 11.776 | 20.776 |
| **Sầu riêng** | + Diện tích | Ha | 2.837 | 3.200 | 3.760 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 13.091 | 12.672 | 24.672 |
| **Xoài** | + Diện tích | Ha | 1.281 | 1.321 | 1.321 |
|  | + Sản lượng | Tấn | 5.987 | 8.005 | 10.305 |
| **Chanh dây** | + Diện tích |  | 1.180 | - | 1.558 |
|  | + Sản lượng |  | 20.539 | - | 29.794 |

1. Ngô 23.803,3 ha GT/24.333,6 ha KH, đạt 97,8%; Sắn 6.908,5 GT ha/8.459 KH ha, đạt 81,7%; Lạc 1.266 ha GT/1.728 ha KH, đạt 73,3%; Đậu nành 1.567 ha GT/2.030 ha KH, đạt 77,2%; Chanh dây 1.258 ha GT/1.699 ha KH, đạt 74%. Nguyên nhân: i) do diện tích trồng xen trong các vườn cây công nghiệp giảm; ii) Do giá một số mặt hàng nông sản như hồ tiêu, cây ăn quả... đầu vụ Hè Thu có phần cao hơn mọi năm nên người dân có xu hướng chuyển đổi trồng những loại cây lâu năm khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; iii) Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây thiếu nguồn giống *(nhập khẩu)* nên diện tích Chanh dây không đạt kế hoạch [↑](#footnote-ref-1)
2. Cụ thể: Lúa nước 1.000 ha TH/7.645 ha GT (đạt 13,1 %); Ngô 10.196 ha TH/23.803.3 ha GT (đạt 42,8 %); Khoai lang 2.775 ha GT/3.349,6 ha KH (đạt 82,8 %); Bí đỏ 1.081,3 ha TH/1.144 ha GT (đạt 94,5 %); Đậu các loại 3.584 ha TH/4.507 ha GT (đạt 79,5 %); Lạc 829 ha TH/1.266 ha GT (đạt 65,5 %); Đậu nành 1.012 ha TH/1.567 ha GT (đạt 64,6 %); Rau 2.231 ha TH/2.595 ha GT (86 %). [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong đó có 15 ha bị nhiễm nhẹ, 11 ha nhiễm bệnh ở mức trung bình và 07 ha bị bệnh nặng [↑](#footnote-ref-3)
4. Đàn lợn, dê tăng mạnh do trong thời gian qua giá thịt hơi tăng cao, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi lợn đã hình thành chuỗi liên kết tạo đầu ra sản phẩm ổn định, hiệu quả kinh tế cao; mặt khác tỉnh Đắk Nông có lợi thế về diện tích đất nông nghiệp lớn, mật độ chăn nuôi còn thấp, giá đất nông nghiệp thấp so các khu vực lân cận, nên trong thời gian qua đã có nhiều nhà đầu tư đầu tư vào phát triển chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-4)
5. Do ảnh hưởng của dịch Covid giá gia cầm giảm, người dân hạn chế mở rộng quy mô. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nguyên nhân do vốn đầu tư lớn, thời gian quay vòng vốn chậm, diện tích đồng cỏ bị thu hẹp. Chăn nuôi trâu, bò chủ yếu có quy mô nhỏ lẻ người chăn nuôi tận dụng nhận công và nuôi chủ yếu lấy phân để bón cho cây trồng, do đó hiệu quả nên người dân chưa đầu tư nhiều để phát triển. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh thiếu sự liên kết giữa các cơ sở chăn nuôi với doanh nghiệp; chưa thu hút doanh nghiệp đầu tư vào thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; chưa có doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi bò [↑](#footnote-ref-6)
7. Triển khai tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, vật nuôi (15.640/15.640 liều vắc xin Dại chó, mèo*;*  20.295/20.295 liều vắc xin Lở mồm long móng (đợt 1/2021); 4.050 liều vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò; 3.500 liều Dịch tả lợn*;* 3.500 liều Tụ huyết trùng lợn); tổ chức 03 đợt tổng tiêu độc khử trùng trên địa bàn toàn tỉnh (5.900 *lít hóa chất*); các địa phương phối hợp kiểm soát chặt chẽ việc mua, bán, vận chuyển lợn tại địa bàn và tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi chủ động các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học; Thực hiện lấy mẫu giám sát sự lưu hành của vi rút cúm gia cầm, kết quả cho thấy 08 mẫu gộp đều âm tính với vi rút H5N1 và H5N6 và chưa phát hiện có sự lưu hành của vi rút Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh; Cấp phát 200 tờ áp phích và 7.000 tờ rơi; … [↑](#footnote-ref-7)
8. Cà phê: 23.414 ha; Hồ tiêu: 2.305 ha; Ca cao 170 ha. [↑](#footnote-ref-8)
9. Chủ yếu: Xoài 377 ha; Bơ: 161 ha; Sầu riêng 147 ha; Mít 49 ha... [↑](#footnote-ref-9)
10. Lúa 630 ha; Rau 26,5 ha; Khác: 6,15 ha. [↑](#footnote-ref-10)
11. Phát hiện 01 mẫu thịt gà tồn dư chất Chloramphenicol 0,915 µg/kg - kháng sinh cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh động vật trên cạn. [↑](#footnote-ref-11)
12. Phân theo loại hình hoạt động gồm có: 103 HTX trồng trọt; 04 HTX chăn nuôi, 56 HTX tổng hợp. Trong đó: Thành phố Gia Nghĩa có 21 HTX; huyện Đắk Glong có 11 HTX; huyện Cư Jút có 17 HTX; huyện Đắk Mil có 22 HTX; huyện Krông Nô có 24 HTX; huyện Đắk Song có 27 HTX; huyện Đắk R’Lấp có 29 HTX; huyện Tuy Đức có 12 HTX. [↑](#footnote-ref-12)
13. Quyết định số 2053/QĐ-UBND, ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-13)